

CẤU TRÚC LÀNG XÃ XUNG QUANH HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN THẾ KỶ XVII-XVIII QUA NGHIÊN CỨU TƯ LIỆU ĐIỀN DÃ

Ueda Shinya*

Nhận bài: 29/07/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 10/08/2021; Chấp nhận đăng: 20/09/2021

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Kể từ sau Đổi mới, các nhà nghiên cứu nước ngoài đã tiến hành điều tra thực địa trong nước để sưu tập tài liệu và nghiên cứu lịch sử tiền cận đại Việt Nam và đã đạt được những thay đổi lớn trong thành tựu nghiên cứu. Đặc biệt, các nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam tại Nhật Bản đã và đang tích cực thu thập các tài liệu làng xã thời tiền hiện đại và các tư liệu lịch sử địa phương. Kết quả là kể từ năm 2000, nghiên cứu về lịch sử Việt Nam đã có nhiều thay đổi đáng kể với việc xuất bản các nghiên cứu sử dụng các tư liệu lịch sử mới này. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc nghiên cứu để vẽ lên bức tranh mới về xã hội tiền hiện đại bằng cách sử dụng những tư liệu lịch sử mới này vẫn chưa được phát triển. Nguyên nhân lớn nhất của tình hình này là học giới Việt Nam chưa thể tương đối hóa những nét văn hóa truyền thống. Nói cách khác, do có khuynh hướng coi những “nền văn hóa truyền thống” này như những bản thể phi lịch sử và tuyệt đối hóa sự hiện diện phổ biến trong xã hội Việt Nam ở mọi thời đại, nỗ lực làm rõ những quá trình hình thành lịch sử qua việc phân tích tài liệu lịch sử đã không được thúc đẩy. Bằng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp khu vực học, phương pháp điều tra điền dã và phân tích tư liệu..., bài viết này sẽ công bố những tài liệu quan trọng để tìm hiểu xã hội làng xã và cấu trúc gia đình thời tiền hiện đại tại các khu vực xung quanh Huế, qua đó hy vọng có thể thúc đẩy sự phát triển nghiên cứu lịch sử Việt Nam qua tài liệu Hán Nôm làng xã.

Từ khóa: *Lịch sử tiền Cận đại Việt Nam; Văn hóa truyền thống; Cấu trúc gia đình; Sổ đất vườn Thanh Phước*

1. Mở đầu

1.1. Tài liệu Hán Nôm trong làng xã và “văn hóa truyền thống”

Sau Đổi mới, các nhà nghiên cứu nước ngoài đã có thể đi điều tra điền dã ở các địa phương; vì thế việc nghiên cứu lịch sử trước Cận đại của Việt Nam ở nước ngoài đã có sự thay đổi to lớn. Đặc biệt, sau cuộc điều tra tổng hợp ở làng Bách Cốc của Sakurai Yumimo [1] vào năm 1990, các nhà nghiên cứu Nhật Bản đã tích cực sưu tầm thu thập các tư liệu làng xã và sử liệu địa phương trước thời Cận đại. Từ sau năm 2000 rất nhiều bài viết ra đời trên cơ sở nghiên cứu những sử liệu đó, đem lại diện

mạo mới cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Chẳng hạn trong các công trình Nghiên cứu về thời Lê sơ của Yao Takao [2], Nghiên cứu thời Lý Trần của Momoki Shiro [3] sử dụng các tư liệu như gia phả và văn bia sưu tầm ở các địa phương, không chỉ đóng góp ở nội dung mà về phương diện sử liệu đã vẽ lên một đường thẳng cùng với các nghiên cứu trước đó. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu tìm thấy được rất ít các sử liệu thế kỷ XVI thông qua các cuộc điều tra điền dã. Nếu so sánh thế kỷ XVII-XIX, những sử liệu mới chiếm tỉ lệ không lớn. Trong khi đó sau thế kỷ XVII, một số lượng lớn sử liệu chủ yếu là các gia phả và văn bia được sưu tầm khá dễ dàng qua điều tra điền dã. Thời

* Viện Nghiên cứu nhận thức và giáo dục Thăng Long (TICES), Trường Đại học Thăng Long

Cận đại của Việt Nam, khác với các thời đại trước đó, là thời đại mà sử liệu bùng phát do còn một số lượng lớn các ghi chép của người dân địa phương, không chỉ ở số lượng mà cả về chất lượng. Điều này cũng cho thấy đây là một thời kỳ đã có sự thay đổi lớn về hình ảnh của toàn bộ sử liệu.

Các sử liệu dân gian đó không được thấy qua các nghiên cứu từ "tài liệu quan phương" vì thế nó rất quan trọng trong việc làm sáng tỏ hình thái xã hội. Đặc biệt, các tư liệu ở làng xã là những tư liệu không thể thiếu được ở lĩnh vực lịch sử xã hội, để thông qua đó việc nghiên cứu vẽ lên hình ảnh mới của toàn thể xã hội trước cận đại vốn còn thấy rất ít ở Việt Nam. Có rất nhiều lý do cho điều đó, chẳng hạn số lượng tư liệu làng xã hiện còn rất lớn nhưng chưa có ai nắm bắt cụ thể về toàn bộ tư liệu đó. Hoặc cũng có thể vì chưa kịp có các nhà nghiên cứu được đào tạo ra có khả năng phân tích tư liệu ở làng xã. Tuy nhiên, nguyên nhân lớn nhất là học giới Việt Nam có thể chưa có khả năng tương đối hóa văn hóa truyền thống của làng và dòng họ. Tức là ngay ở trong bất kỳ thời kỳ văn hóa truyền thống nào cũng có khuynh hướng rất mạnh cho rằng ở xã hội Việt Nam có sự tồn tại mang tính tuyệt đối - mang tính phi lịch sử ngay trong sự tồn tại mang tính phổ biến, cho nên không thể sinh ra động cơ (motivation) có thể làm sáng tỏ quá trình hình thành mang tính lịch sử của những tư liệu đó. Tuy nhiên, không chỉ ở Việt Nam, ở bất kỳ quốc gia nào thì thời kỳ hình thành lối nghĩ "truyền thống của chúng ta" rút cuộc đều là những suy nghĩ khác và rất mới. Áo dài của phụ nữ Việt Nam và áo Kimono của Nhật là một ví dụ. Sự ra đời của trang phục mang tính truyền thống như hiện tại ở cả hai phía Việt Nam và Nhật Bản thực ra đều là vào đầu thế kỷ XIX-XX. Nhìn từ lịch sử học thì trang phục ấy nếu so sánh chẳng qua chỉ là "văn hóa mới" được ra đời gần đây. Cái đó cũng giống với cái gọi là "văn hóa truyền thống trong làng và dòng họ"; chúng ta tương đối hóa nó thành sản vật mang tính lịch sử thì cũng cần thiết phải suy nghĩ về quá trình hình thành mang tính lịch sử của nó.

Nếu suy nghĩ như vậy thì sử liệu liên quan đến đình từ thế kỷ XVII-XVIII, hiện tại cũng được bảo quản ở đình thì cũng cần có cái nhìn thống nhất trong việc coi trọng các gia phả được biên soạn vào thế kỷ XVII-XVIII hiện được con cháu lưu giữ. Vì sao lại như vậy? Bởi sự thực để cho ra đời các sử liệu đó, đủ loại tổ chức xã hội cho dù là công queo không tốt vẫn mang tính liên tục nhất định kéo dài cho tới tận ngày nay. Với ý nghĩa đó thì cho dù ít hay nhiều trình độ của xã hội dân gian, chẳng hạn như xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII và xã hội Việt Nam hiện tại vẫn được đánh giá cao vì sự liên tục mang tính lịch sử. Nhưng đồng thời vì sao các tư liệu liên quan đến đình và dòng họ ở thời đại trước thế kỷ XVI lại giảm; có lẽ cần thiết phải suy nghĩ về thực tế đó. Rất nhiều người đã đưa ra lý do sử liệu dân gian trước thế kỷ XVI bị suy giảm là do chiến tranh và điều kiện khí hậu. Quả thật đúng là như vậy chẳng. Thực tế, từ thời kỳ chiến tranh với triều Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, trải qua các cuộc bạo động do thực dân hóa của Pháp và trở thành chiến địa khốc liệt nhất trong cuộc chiến tranh chống Mỹ nhưng các tư liệu làng xã ở khu vực xung quanh Huế hiện còn với số lượng rất lớn. Hơn thế nữa, xung quanh Huế cũng là khu vực vào mùa mưa, mưa nhiều là bị úng ngập thì môi trường bảo tồn sử liệu chắc chắn sẽ kém hơn rất nhiều so với khu vực đồng bằng sông Hồng. Mặc dù như vậy nhưng rất nhiều sử liệu dân gian sau thế kỷ XVII vẫn được giữ gìn ở các vùng nông thôn. Lẽ đương nhiên thời đại đi xuống thì sử liệu cũng sẽ bị giảm bớt, việc đó ở bất cứ khu vực nào cũng sẽ xảy ra. Tuy nhiên, nếu chỉ nói do điều kiện chiến tranh và khí hậu thì không thể thuyết minh một cách đầy đủ về sự gia tăng mang tính bùng phát và sự thay đổi về chất của sử liệu từ thế kỷ XVII trở về sau ở Việt Nam.

Vấn đề này vào thời điểm hiện tại thì ý kiến của tôi cũng là một chiều. Nếu luận bàn đến cùng thì việc không tồn tại các tư liệu liên quan đến làng trước thế kỷ XVI là do trước thế kỷ XVI không tồn tại đơn vị làng trong xã hội Việt Nam. Việc không tồn tại gia phả được biên soạn trước thế kỷ XVI

là do không tồn tại dòng họ.* Hoặc là trước thế kỷ XVI trong xã hội Việt Nam có lẽ có sự tồn tại của tổ chức xã hội theo nguyên hình của làng và dòng họ, sau thế kỷ XVII có lẽ vẫn tồn tại các tổ chức xã hội gánh vác vai trò giống như vậy. Tuy nhiên, các tổ chức xã hội đó bị mất đi không thể tiếp tục cho đến hiện tại, các sử liệu do các tổ chức xã hội đó nắm giữ bị mất đi không còn nữa. Nếu suy nghĩ như vậy thì văn hóa truyền thống của làng và dòng họ hiện tại nếu nhìn từ quan điểm mang tính sử học thì đại khái sau thế kỷ XVII hoặc sớm hơn là khoảng thế kỷ XVI "Văn hóa mới" đã ra đời.

1.2. Tính quan trọng của việc nghiên cứu "xóm"

Nếu suy nghĩ như trên thì vì sao "Văn hóa mới" lại ra đời vào thời kỳ Cận đại†; và xã hội trước đó và xã hội sau đó có sự khác nhau như thế nào thì cần phải suy nghĩ. Nếu nghĩ như thế cần phải lưu ý nghiên cứu *Lê triều hình luật* (Quốc triều hình luật). *Lê triều hình luật* bao gồm rất nhiều quy định của Việt Nam, mặc dù chịu ảnh hưởng ít nhiều từ Trung Quốc đã cho thấy sự độc đáo mang tính xã hội và văn hóa từ rất sớm cho tới trước thời tiền Cận đại. Đáng chú ý có các công trình nghiên cứu của người Nhật như Makino Tatsumi [4] và Yamamoto Tatsuro [5]. Sau đó là các công trình nghiên cứu của Katakura Minoru [6], Yu Insun [7], Yao Takao [8]... Các quy định độc đáo trong *Lê triều hình luật* nhìn từ các công trình còn hạn hẹp như đã nêu trên có thể hiểu rằng chúng được chế định bởi sự chi phối cách kiến giải phản ánh trong xã hội - văn hóa Đông Nam Á đương thời, đặc biệt liên quan đến các quy định "nam nữ quân phân tương tục" (nam nữ cùng nhau chia đều như trước), liên quan đến yếu tố mang tính Lý thuyết giới tính (gender) mà

các nghị luận gần đây đang quan tâm (làm sống lại)‡. Các nghiên cứu đó đề cập nhiều đến việc ra đời của xã hội truyền thống trước đây.

Có thể đưa ra một ví dụ về Cấu trúc xã hội lỏng lẻo (Loosely structured society)" [11] như một đặc trưng mang tính xã hội của khu vực Đông Nam Á. Đó là những tổ chức xã hội thành viên (membership) mang tính cố định và đóng cửa là biểu hiện của tình trạng xã hội mang tính lưu động chưa phát triển. Ví dụ, cấu trúc gia đình và họ hàng của các dân tộc chủ yếu ở Đông Nam Á có xu hướng quan hệ họ hàng song phương. Trên thực tế, Đông Nam Á có nhiều dân tộc không có "họ (family name)", chẳng hạn như các dân tộc Bamar, Khmer, Malay và Thái§. Cho dù có tồn tại đơn vị hành chính như "xã" ở Đông Nam Á, thì tập thể cộng đồng thôn xóm có thành viên (membership) mang tính bài trừ bên ngoài như làng thì cũng không phải nói chung. Đặc trưng như thế nếu từ cách nhìn mang tính lịch sử thì nguyên nhân là do xã hội với mật độ dân số cực thấp của Đông Nam Á thời trước Cận đại. Tức là Đông Nam Á là xã hội nói chung nhiều ruộng đất, mặt khác là nơi xung yếu của đường giao thông trên biển từ đông sang tây, và là nơi giao thông trên sông nước sớm nhất do sản xuất ra các sản vật của vùng nhiệt đới quý giá. Vì thế Đông Nam Á trước thời Cận đại dân số mang tính lưu động cao và là khu vực rất khó phát triển các tổ chức xã hội thành viên từ trước bị đóng cửa và cố định, đó được coi là cấu tạo xã hội yếu tính tổ chức ở Đông Nam Á [12][13].

Mặt khác, nếu nhìn vào xã hội Việt Nam hiện đại thì làng là một tổ chức xã hội ngụ cư trên cùng mảnh đất bao gồm dòng họ có cùng huyết thống thân tộc mang tính đóng

* Dĩ nhiên, có nhiều cuốn gia phả ghi tổ tiên từ thời Lý đến thời Trần. Tuy nhiên, nó được biên soạn đầu tiên vào thế kỷ 17 và 18. Trước đó, biên soạn phả hệ là một thực hành được giới hạn cho một số lớp đặc quyền. Thật ra cho đến thời điểm ấy, dân thường chưa có thói quen biên soạn gia phả.

† Trong bài viết này, "Cận đại" nghĩa là "Early modern". Ở nước ngoài, tùy theo nhà nghiên

cứu mà "Early modern" có thời gian khác nhau. Ở Việt Nam người ta cho rằng thời Cận đại là khoảng từ thời Lê sơ (1428-1527) đến giữa thế kỷ XIX.

‡ Về chi tiết cuộc luận, xem [9] và [10]

§ Trước đầu thế kỷ, người Thái không có họ. Họ của Thái Lan hiện tại được hình dung bởi chính sách hiện đại hóa đầu thế kỷ XX.

cửa. Các tổ chức xã hội mang tính truyền thống có thành viên mang tính cố định và đóng cửa đó được phân bố rộng khắp ở vùng Bắc bộ Việt Nam. Như trình bày ở trên, các tổ chức xã hội đó có vai trò trong việc kế thừa và giữ gìn các sử liệu thời Cận đại. Xã hội ở đồng bằng sông Hồng với mật độ dân số tập trung cao từ trước thời Cận đại thì sẽ có rất nhiều bộ phận không thích hợp với đặc trưng xã hội Đông Nam Á như đã trình bày ở trên. Vì thế các học giả người Nhật như là Momoki và Yao đã thử tìm hiểu sự thay đổi của xã hội tiểu nông mang tính Đông Á từ cấu trúc xã hội lỏng lẻo mang tính Đông Nam Á vào thời kỳ Hậu Lê (1583-1788). Về vấn đề đó, nếu suy nghĩ từ ý nghĩa lịch sử học về sự ra đời xã hội truyền thống của thời Hậu Lê là sự liên kết do biến động về kinh tế xã hội mang tính trường kỳ của Việt Nam từ xã hội Đông Nam Á mà "đất đai nhiều nhưng thiếu lao động" sang xã hội tiểu nông của Đông Á "đất đai ít nhưng dư thừa lao động" thì phải suy nghĩ để cho ra đời tổ chức xã hội thích hợp với xã hội mới qua vai trò trung gian của Nho giáo. Theo đó phải chú ý đến điểm có xuất hiện hay không trong các nghiên cứu lịch sử Cận đại sử dụng các tư liệu làng xã về các tổ chức xã hội kiên cố mang tính kế thừa lịch sử vài trăm năm mà chủ yếu là xã hội có cấu trúc lỏng lẻo của Đông Nam Á được nêu ra trong *Lê triều hình luật*. Tức là phải kết nối để làm sáng tỏ sự ra đời của "xã hội truyền thống" ở thời Cận đại của Việt Nam.

1.3. Nghiên cứu làng Thanh Phước

Về vấn đề này, trong bài nghiên cứu trước đây người viết đã khảo cứu làng và dòng họ từ tư liệu làng xã Thanh Phước ở ngoại ô Huế [14]. Đó là làng ra đời vào khoảng cuối thế kỷ XV do người Kinh vào khai khẩn trồng trọt sau cuộc viễn chinh Champa của vua Lê Thánh Tông. Việc khai khẩn đó là do bảy dòng họ khai phá đất đai để trồng trọt; và đến khoảng nửa sau thế kỷ thứ XVII do diện tích canh tác mở rộng tới giới hạn nên đã nảy sinh các cuộc tranh chấp đất đai với các làng xã xung quanh. Có lẽ cũng do áp lực về dân số ngày càng tăng cao của xã Thanh Phước. Mặt khác, ít nhất

cho đến cuối thế kỷ XVIII thì họ đã độc chiếm quyền thành viên làng xã từ việc là "họ khai canh" từ trước. Mặc dù "họ khai canh" ở thế kỷ XVIII có nguyên tắc theo phụ hệ nhưng đối với người ngoài vào cư trú (ngụ cư) cũng không triệt để theo nguyên tắc cùng huyết thống phụ hệ. Có thể nhìn thấy một sự mềm dẻo khi ứng phó với tình hình đó, chẳng hạn người đàn ông kết hôn với phụ nữ của dòng họ nào đó có thể dễ dàng xin vào "họ khai canh". Nhìn từ thực tế tôn giáo cũng có thể nhìn ra đó là hỗn dung tam giáo Nho - Phật - Lão. Việc xây dựng các nhà thờ để thờ cúng tổ tiên lâu dài không được nhận thấy. Tức là ở giai đoạn này "họ khai canh" tuy đã chiếm quyền thành viên thôn xóm, nhưng vì không có sự phân biệt thật nghiêm ngặt về cái gọi là họ nội và họ ngoại ở trong "họ khai canh" nên những người đàn ông ngụ cư qua hôn nhân đã trở thành thành viên của "họ khai canh"; điều đó cũng được coi là không khó khăn gì.

Tuy nhiên, sau thế kỷ XIX ở làng Thanh Phước đã có sự phân biệt cẩn thận giữa họ nội và họ ngoại để thích ứng với nguyên tắc huyết thống phụ hệ, và việc người đàn ông bên ngoài vào làm thành viên của "họ khai canh" đã trở nên khó khăn. Đồng thời quyền thành viên thôn xóm trong làng Thanh Phước đã có quy định hạn chế về "họ khai canh". Việc nghiêm cấm hóa của nguyên tắc huyết thống phụ hệ không chỉ là do tính cố định, đóng cửa của thành viên thị tộc khai canh mà còn liên quan đến những khó khăn để xin được làm quyền thành viên làng xóm của những người "ngụ cư". Mặt khác trong bối cảnh họ khai canh đã chiếm được quyền thành viên thôn xóm và một phần công điền được làm ruộng hương hỏa ... nên đã có thể cưỡng hóa cơ bản về tài chính. Vì thế từ đầu thế kỷ XIX người ta đã bắt đầu nối nhau cho xây dựng các nhà thờ họ. Việc xây dựng các nhà thờ họ cho dù liên quan mạnh mẽ đến màu sắc Nho giáo ở thực tiễn tôn giáo của dòng họ khai canh, nhưng cũng liên quan đến việc xúc tiến bảo hộ lợi ích đã có được của dòng họ khai canh từ những người ngụ cư sau này với nguyên tắc mang tính Nho giáo là huyết thống phụ hệ.

Như vậy có thể suy đoán từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, cùng với sự gia tăng dân số và sự giới hạn của việc khai khẩn đất đai nông nghiệp, đã có sự phát triển tương hỗ bổ sung hoàn bị việc thẩm thấu hình thái quan niệm (Ideologie) mang tính Nho giáo và sự cố định hóa, bế tỏa hóa thành viên làng xóm. Cũng có thể suy đoán đó là do chịu ảnh hưởng từ cấu tạo của gia tộc và gia đình và vai trò xã hội của phụ nữ. Tuy nhiên sự thay đổi mang tính văn hóa như thế có phải là sự thay đổi cấu trúc gia tộc và địa vị xã hội của phụ nữ trong làng Thanh Phước hay không, hoặc là không chịu ảnh hưởng, và sự kế thừa tài sản trong làng xóm đương thời như thế nào, thì vẫn còn nhiều điều chưa rõ ràng. Rất may là trong hai làng Thanh Phước và An Thành* vẫn còn sử liệu "viên bạ" (sổ đất vườn). Trong các tư liệu này đã ghi chép khá tỉ mỉ về tình hình sử dụng đất vườn của khu dân cư ở giai đoạn nửa sau thế kỷ XVIII. Ngoài việc cho biết về sự cấu thành gia tộc và gia đình ở thế kỷ XVIII và XIX, giá trị học thuật của tư liệu này rất cao. Tất cả nội dung của các tư liệu đó đã được phân tích làm tư liệu cơ sở và một số vấn đề nghiên cứu trong đó đã được chúng tôi trình bày [15] [16], nhưng do phải hạn chế dung lượng nên không thể giới thiệu toàn bộ tư liệu. Ví dụ các tài liệu Hán Nôm như địa bạ, gia phả, sắc phong đối với nhà nghiên cứu thì đó là các tư liệu nghiên cứu nói chung, có lẽ không phải vấn đề đặc biệt. Tuy nhiên, theo cách nhìn của tôi thì sử liệu "sổ đất vườn" vẫn chưa được giới thiệu trên tạp chí học thuật ở Việt Nam cũng như ở thế giới; và có vẻ như các nhà nghiên cứu ở Huế cũng chưa biết. Tư liệu đó cũng chưa được dịch và lưu trữ ở cơ quan nghiên cứu cho nên khó có thể xem những tư liệu ấy. Vì thế bài viết này sẽ giới thiệu làng Thanh Phước và An Lạc do người viết chụp ảnh được để sau này có thể dùng chung làm tư liệu nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu làng xã ở Huế.

* Địa chỉ hiện nay là: thôn Thanh Phước, xã Hương Phong, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa

2. Giới thiệu sổ đất vườn

2.1. Thông tin thư chí cơ sở

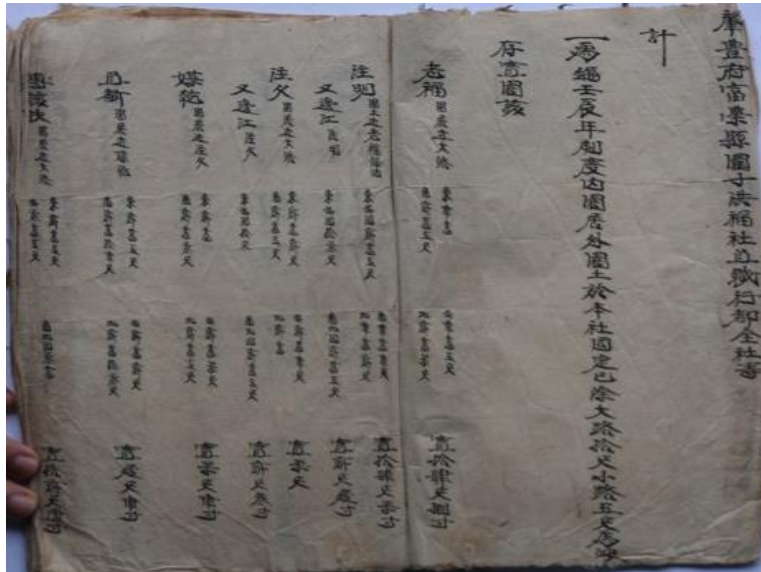
Trước đây tôi đã giới thiệu thông tin thư chí cơ sở trong bài viết năm 2021 [15][16] nhưng vẫn còn đơn giản. Hiện người viết sở hữu 02 sổ đất vườn được bảo quản ở đình làng Thanh Phước và 02 bản sổ đất vườn được bảo quản ở đình làng An Thành. Cả hai làng đó ngoài địa bạ đã làm riêng sổ đất đai cụ thể hạn định trong khu vực cư trú gọi là "viên bộ" (sổ đất vườn). Tùy trường hợp lượng các thôn xóm người ta đã ghi thành "công điền" và "công thổ" ở trong khu vực cư trú trong sổ địa bạ triều Nguyễn. Vì thế xã Thanh Phước và An Thành phải làm sổ đất đai; việc làm đó cần thiết cho việc trưng thu thuế ứng với số diện tích mà cư dân sở hữu [16]. Tuy nhiên chúng tôi chưa thể xem hết sổ địa bạ của khu vực xung quanh Huế và cũng không phải ví dụ đặc biệt riêng của hai xã Thanh Phước và An Thành. Trong số hơn 60 địa bạ của 3 huyện là Hương Trà, Quảng Điền, Phú Vang thì có khoảng 40 đến 50 % khu cư trú ở thôn xóm là đối tượng nộp thuế "công điền" và "công thổ" được đăng ký. Ở các thôn xóm đó ngoài việc cần thiết phải nộp thuế cho nhà nước, có khả năng cao là giống với hai làng Thanh Phước và An Thành họ làm thành các sử liệu tương tự. Có lẽ trong các cuộc điều tra điền dã sau này cũng có thể tìm ra các sổ đất vườn mới.

Xã Thanh Phước có 2 sổ đất vườn; một là sổ đất vườn được làm vào năm 1772 [DTP68d], một sổ làm cùng thời với [DTP68d] hoặc chỉ ngay sau thời gian đó [DTP70]. [DTP68d] được ghi thêm rất nhiều chú giải để cập nhật thông tin sau khi biên soạn vào năm 1772. Nhưng [DTP70] không có chú giải nào cả. Có lẽ dân làng Thanh Phước đã biên soạn 2 bản sổ đất vườn giống nhau ở cuối thế kỷ XVIII. Một bản [DTP68d] đã được sử dụng để cập nhật thông tin đất vườn, và một bản [DTP70] đã được biên soạn với tư cách là "phó bản" (bản thêm) để bảo quản nguyên bản. [DTP68d] để cập nhật thông tin có

Thiên Huế; thôn An Thành, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

thêm thông tin nhiều và tỉ mỉ hơn, nhưng đáng tiếc tình trạng bảo quản của bản đồ rất kém, khoảng 1/5 thông tin đã bị thiếu khuyết. Vì thế bài viết lần này sẽ lấy [DTP70] làm bản nền và nếu được sẽ bổ sung các thông tin từ [DTP68d]. Lần này do khuôn khổ bài viết chúng tôi chỉ giới thiệu 5 ảnh của sổ đất vườn của làng Thanh Phước để minh họa.

+ Ảnh IMG_3569



2.2. Sổ đất vườn làng Thanh Phước [DTP70]

Trong Bảng thống kê màu bôi đậm là thông tin bổ sung bằng [DTP68d]. Tỷ lệ đổi diện tích là 1 sào = 606 m² [16].

[Nguyên Văn]	[Dịch]
<p>肇豐府富榮縣園子洪福社 員職行都全社等 計 一, 爲編壬辰年, 刷度内園 居外園土於本社, 固定. 已 除大路拾尺小路五尺爲限. 實園該...</p>	<p>Các viên chức và hàng đô* toàn xã trong vi tử (bờ vây) xã Hồng Phúc†, huyện Phú Vang, phủ Triệu Phong, Kê [như sau] Một, biên soạn sổ vào năm Nhâm Thìn, do đất viên cư‡ bên trong và viên thổ§ bên ngoài trong xã chúng ta, và cố định (diện tích các khuôn đất ấy). Đã trừ theo hạn định là Đại lộ 10 thước và Tiểu lộ 5 thước Diện tích các khuôn vườn là...</p>

* “Hàng đô” là quan lại cấp dưới thuộc tổ chức quân sự vào thời Chúa Nguyễn.

† “Vi tử” nghĩa là “bờ vây” để phòng nước lũ bảo vệ ruộng đồng của khu vực làng xóm có địa hình thấp, được chính quyền quản trị trực tiếp. “Hồng Phúc xã” là tên cũ của thôn Thanh Phước trong thời Chúa Nguyễn và nửa trước thế kỷ XIX. Tên cũ trong thời Tây Sơn là “洪恩

社 Hồng Ân xã”. Thời Tự Đức đổi tên sang “清福社 Thanh Phước xã”.

‡ Trong viên bộ này, “viên cư” là đất vườn có nhà ở, nhưng ở viên bộ An Thành có nghĩa khác.

§ Trong viên bộ này, “viên thổ” là đất vườn không có nhà ở, nhưng ở viên bộ An Thành có nghĩa khác.

[Thống kê của IMG_3569]

Người sở hữu	Chi tiết	Chiều dài								Diện tích			Diện tích (m ²)
		Đông		Tây		Nam		Bắc		Sào	Thú ớc	Tấc	
		Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc				
Lão Phú	Viên cư, gần Đại lộ	4	0	4	5	2	5	2	7	0	14	8	597.9
Chú Minh	Viên thổ, gần khuôn đất lão Phức	2	5	2	5	4	4	4	2	0	14	7	593.9
	Bên sông	0	13	0	13	2	5	2	5	0	2	9	117.2
Chú Cửu	Viên cư, gần Đại lộ	2	2	2	4	2	5	2	0	0	7	0	282.8
	Bên sông	0	10	0	10	2	5	2	5	0	2	3	92.9
Mụ Can	Viên cư, gần chú Cửu	2	0	2	7	2	3	2	5	0	7	4	299.0
Viên Đoán	Viên cư, gần Mụ Can	2	5	2	2	2	14	2	13	0	9	4	379.8
Bác cai Phù	Viên cư, gần Đại lộ	2	5	3	5	3	0	3	0	0	12	6	509.0

+ IMG_3570: Ảnh mất nét.

+ IMG_3571: Ảnh chụp lại

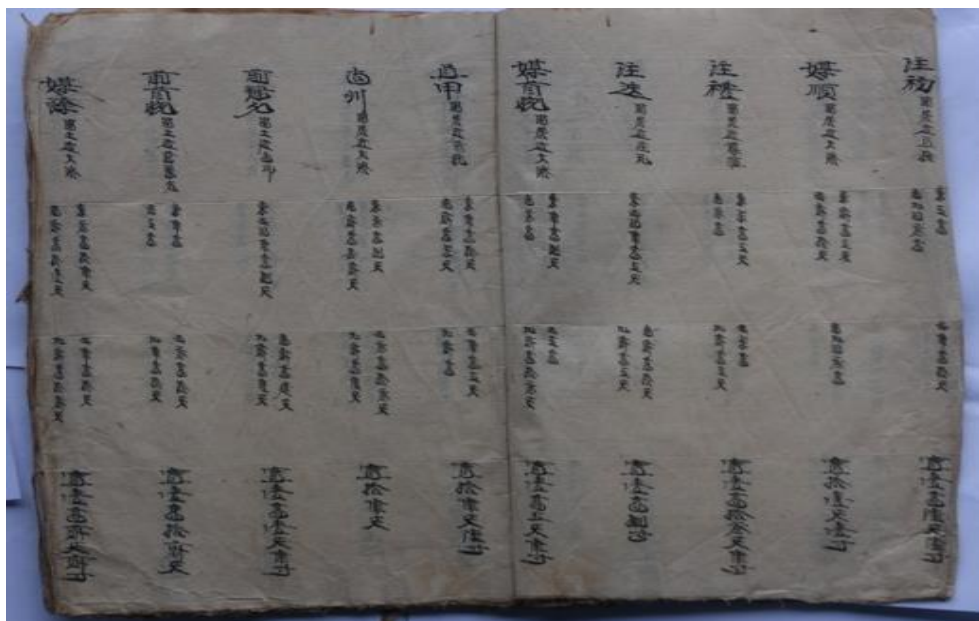


[Thống kê của IMG_3570 và IMG3571]

+ IMG_3272: Ảnh mất nét

+ IMG_3273: Ảnh chụp lại

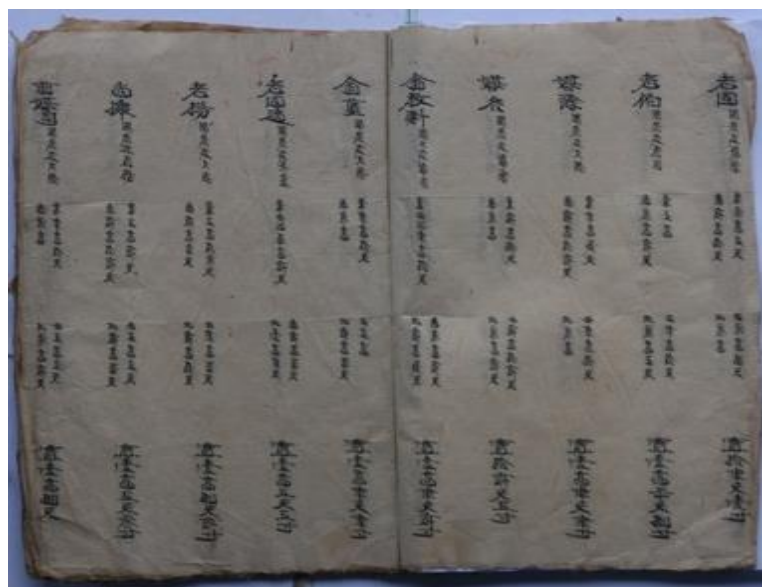
Người sở hữu	Chi tiết	Chiều dài								Diện tích			Diện tích (m ²)
		Đông		Tây		Nam		Bắc		Sào	Thú ớc	Tắc	
		Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc	Sào	Thú ớc				
Mụ Chi	Viên cư, gần bác cai Phù	2	13	3	0	3	0	4	0	0	14	6	589.8
	由丁□正月初九日已畱賣博該扶 (Do năm Đinh [...], tháng một, ngày chín, cầm cố cho bác cai Phù)												
	Gần sông	1	0	1	0	3	5	3	5	0	5	0	202.0
	由壬辰年八月已畱賣在博該扶 (Do năm Nhâm Thìn, tháng Tám, cầm cố cho bác cai Phù.)												
Chú Tuy	Viên đồ gia 園圖家, gần mụ Chi	2	13	2	10	2	5	2	5	1	2	4	703.0
Chú Sùng	Viên cư, gần Chú Tuy	4	2	4	1	5	3	4	9	2	0	0	1212.0
Chú Thúy	Viên cư, gần chú Sùng	4	0	4	0	4	10	5	0	1	13	8	1163.5
Viên Vặn	Viên cư, gần Đại lộ	2	5	3	0	3	9	2	10	0	12	6	509.0
Chú Tuy	Viên cư, gần viên Vặn	4	12	2	10	2	12	3	0	1	5	0	808.0
	Bên sông	1	0	1	0	4	0	4	0	0	6	0	242.4
Lão Tính	Viên cư, gần chú Tuy	3	10	3	10	3	5	3	0	1	2	1	690.8
	□□年注律入口分此□居 (Do năm [...], chú Luật được nhập vào khẩu phần và [...])												
Thăng Xuyên (Cha Xuyên)	Viên thổ, gần lão Tính	4	8	5	2	3	10	3	4	1	10	0	1010.0
Ông thủ Hiến	Viên cư, gần Đại lộ	5	5	5	5	3	0	2	12	1	7	5	909.0
	Bên sông	0	5	1	0	3	3	3	3	0	3	2	129.3
Viên Quyền	Viên cư, gần thủ Hiến	4	5	4	7	2	13	2	12	1	3	3	739.3



[Thống kê của IMG_3572 và IMG3573]

Người sở hữu	Chi tiết	Chiều dài								Diện tích			Diện tích (m ²)
		Đông		Tây		Nam		Bắc		Sào	Thư ớc	Tấc	
		Sào	Thư ớc	Sào	Thư ớc	Sào	Thư ớc	Sào	Thư ớc				
Chú Sơ	Viên cư, gần viên Quyền	5	0	4	10	3	0	3	0	1	6	6	872.6
Mụ Thuận	Viên cư, gần Đại lộ	2	5	2	10	3	0	3	0	0	11	1	448.4
Chú Lễ (Ông Lễ)	Viên cư, gần mụ Thuận	7	5	7	0	3	0	2	5	1	13	4	1147.4
Chú Dật	Viên cư, gần chú Lễ	4	5	4	5	2	10	2	5	1	0	8	638.3
Mụ Thủ Duyệt	Viên cư, gần Đại lộ	4	8	5	0	3	0	2	13	1	5	4	824.2
Viên Giáp	Viên cư, gần thủ Duyệt	4	10	4	5	2	7	2	0	0	14	6	589.8
Thăng Xuyên (Cha Xuyên)	Viên cư, gần Đại lộ	3	8	4	5	2	7	2	0	0	14	0	565.6
Tiền lục Doãn	Viên thổ, gần thăng Xuyên	4	8	4	8	2	9	2	6	1	1	4	662.6
Tiền thủ Duyệt	Viên cugân tiền lục Doãn	4	0	3	10	5	0	4	10	1	12	0	1090.8
Mụ Dư	Viên thổ, gần Đại lộ	3	14	4	10	2	11	2	12	1	2	2	694.9

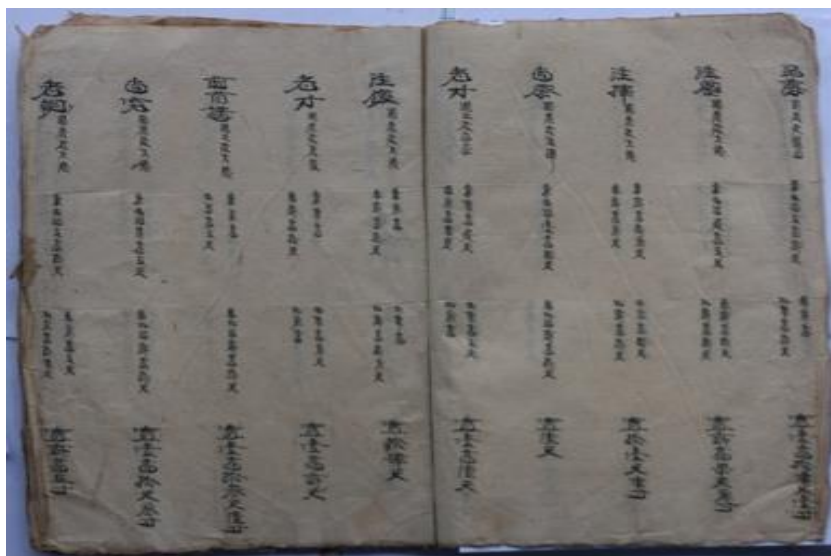
+ IMG_3274



[Thống kê của IMG_3574]

Người sở hữu	Chi tiết	Chiều dài								Diện tích			Diện tích (m ²)
		Đông		Tây		Nam		Bắc		Sào	Thước	Tấc	
		Sào	Thước	Sào	Thước	Sào	Thước	Sào	Thước				
Lão Cổ	Viên cư, gần mộ Dư	3	5	3	8	2	10	3	0	0	14	1	569.6
Lão Bá	Viên cư, gần lão Cổ	5	0	4	10	3	2	3	5	1	7	8	921.1
已畱賣在注適 (Cắm cố cho chú Thích)													
Mộ Dư	Viên cư, gần Đại lộ	4	9	4	10	2	12	3	0	1	4	4	783.8
Mộ Các	Viên cư, gần mộ Dư	2	10	2	12	3	0	3	2	0	12	5	505.0
Ông giớa Uyê n	Viên thổ, gần mộ Các	4	10	4	10	3	2	2	9	1	4	2	775.7
Ông Lam	Viên cư, gần Đại lộ	4	10	5	0	3	0	2	7	1	4	4	783.8
Lão Cổ Thích	Viên cư, gần ông Lam	7	2	7	2	2	7	1	6	1	5	5	828.2
畱許注適 (Cắm cố và cho phép cho chú Thích)													
Lão Dương	Viên cư, gần Đại lộ	5	13	6	7	2	7	2	10	1	8	2	937.3
内老楊一高二寸 内注口八尺 (Bên trong [đất] của Lão Dương 1 sào 2 tấc, bên trong [đất] của chú [...] 8 thước.)													
Thằng Chúng	Viên cư, gần lão Dương	5	2	5	5	2	12	2	7	1	5	3	820.1
Tiền mộ Ty	Viên cư, gần Đại lộ	4	10	5	5	3	0	3	2	1	8	0	929.2
(Phó tiền mộ Ty)		由壬辰年,夫妻注禮納稅. 癸巳年, 注禮食入口分, 已畱賣在博副. (Do năm Nhâm Thìn, vợ chồng chú Lễ nộp thuế. Năm Quý Tị, chú Lễ đã ăn vào hộ khẩu, và cắm cố cho bác Phó)											
Con Hải	Viên cư, gần mộ Ty	5	2	5	2	3	0	4	10	1	14	1	1175.6

+ IMG3275



[Tổng kê của IMG_3575]

Người sở hữu	Chi tiết	Chiều dài								Diện tích			Diện tích (m ²)
		Đông		Tây		Nam		Bắc		Sào	Thước	Tắc	
		Sào	Thước	Sào	Thước	Sào	Thước	Sào	Thước				
Chú Thịnh	Viên cư, gần Đại lộ	9	5	9	5	2	10	2	10	2	7	3	1506.9
Chú Trạch	Viên cư, gần Đại lộ	2	13	3	8	2	3	2	10	0	11	4	460.6
Thăng Tế	Viên cư, gần chú Trạch	1	8	1	8	2	10	2	10	0	0	6	24.2
Lão Tài	Viên thổ, gần thăng Tế	4	9	4	5	3	4	3	0	1	6	0	848.4
Chú Tuấn (Lão Tuấn)	Viên cư, gần Đại lộ	3	0	4	0	2	10	2	13	0	14	0	565.6
Lão Tài	Viên cư, gần chu Tuấn	4	0	4	10	2	10	3	0	1	2	0	686.8
Tiền thủ Giảng	Viên cư, gần Đại lộ	7	0	7	5	2	10	2	10	1	13	6	1155.4
Thăng Cứu	Viên cư, gần Đại lộ	6	5	6	5	2	10	2	10	1	10	3	1022.1
Lão Triều	Viên cư, gần Đại lộ	5	10	5	10	3	5	3	14	2	5	0	1414.0
□西入口分 ([...] nhập vào hộ khẩu)													

3. Lờl kết

Trên đây là một số vấn đề về cấu trúc làng xã xung quanh Huế trong giai đoạn thế kỷ XVII-XVIII qua nghiên cứu tư liệu điền dã. Nghiên cứu hy vọng sau này sẽ đi sâu tìm hiểu và phân tích tài liệu Hán Nôm ở làng Thanh Phước và một số làng xã khác để có cách nhìn toàn diện hơn về lịch sử di dân, khai khẩn đất đai, cấu trúc gia tộc, vai trò của người phụ nữ ở các làng xung quanh kinh đô Huế xưa.

4. Ghi nhận

Nghiên cứu này được tài trợ một phần bởi Quỹ Phát triển khoa học công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 601.99- 2020.302.

Tài liệu tham khảo

- [1] Sakurai Yumio (2006), *Attempt of Historical Regionology: Bách Cốc*, Tokyo: Self-publishment (tiếng Nhật).
- [2] Yao Takao (2009), *Politics and society in early Le dynasty Vietnam*, Hiroshima: Hiroshima University Press (tiếng Nhật).
- [3] Momoki Shiro (2011), *The Formation and Transformation of the Medieval State of Dai Viet: a Vietnamese History during the Ly-Tran Period within Regional Histories*, Osaka: Osaka University Press (tiếng Nhật).
- [4] Makino Tatsumi (1934, 1980), "A family system in the Le code, An Nam", 日仏文化 [Nhật Pháp Văn hóa], vol.6. 1934. (in lại trong: Makino Tatsumi, 牧野巽著作集 [Bộ tác phẩm Makino Tatsumi], vol.2, Tokyo: Ochanomizu-Syobo, 1980 (tiếng Nhật).
- [5] Yamamoto Tatsuro (1938), "Marriage law of the Le dynasty, An Nam", 東方学報(東京) [Đông phương Học báo (Tokyo)], vol.8. (tiếng Nhật).
- [6] Kataura Minoru (1987), *A Fundamental Study on the PreModern Law of Vietnam : With Special Reference to the Penal Code Le Dynasty and Some Problems Concerning the Vietnamese Law*, Tokyo: Sobun-sha (tiếng Nhật).
- [7] Yu Insun (1990), *Law and Society in the Seventeenth and Eighteenth Century Vietnam*, Seoul: Korea University.
- [8] Yao Takao (2020), *Lê code of the Lê dynasty Đại Việt*, Tokyo: Kyuko-Shoin (tiếng Nhật).
- [9] Miyazawa Chihiro (2016), "Women's Property Rights and Inheritance of Property for Ancestor Worship in Pre-Modern Vietnam: Focusing on Anniversary Rice Fields", *Asian and African Area studies* 15(2): 208-233 (tiếng Nhật).

- [10] Nhung, Tuyet Tran (2018), *Familial Properties: Gender, State, and Society in Early Modern Vietnam, 1463-1778*, Honolulu: University of Hawaii Press.
- [11] John F. Embree (1950), "Thailand: A loosely structured social system", *American Anthropologist* 52: 181-192.
- [12] Tsubouchi Yoshihiro (1990), "Basic unit of livelihood", in: Tsubouchi Yoshihiro (ed.), *Lectures of Southeast Asian Studies: Southeast Asian Society*, Tokyo: Kobun-do (tiếng Nhật).
- [13] Mizuno Koichi (1981), *Social Organization of Thai Villages*, Tokyo: Sobun-sha (tiếng Nhật).
- [14] Ueda Shinya (2020), "Sự hình thành không gian truyền thống dân tộc Kinh ở làng Thanh Phước, tỉnh Thừa Thiên Huế qua việc phân tích tài liệu làng xã", *Nghiên cứu Lịch sử* 535 và *Nghiên cứu Lịch sử* 536.
- [15] Ueda Shinya (2020), "Giới thiệu và bước đầu phân tích tài liệu 'Viên bộ' ở khu vực xung quanh Huế", trong: Nhiều tác giả, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2020*, Nxb Thế giới.
- [16] Ueda Shinya (2021), "Khu đất vườn trong làng xã ở khu vực xung quanh thành Hóa Châu" trong: Nhiều tác giả, *Thành cổ Hóa Châu những Dấu ấn Khảo cổ học - Lịch sử - Văn hóa*, Nxb Đại học Huế.